

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2019/HNGĐ-ST**.

Ngày 24/10/2019.

V/v “*Xin ly hôn và nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Đoạt

2/ Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thanh Sang - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 29/8/2019 về việc “*Xin ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Bích T**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Phạm Trường G**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh K.

(Anh G vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Ngô Thị Bích T trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Vào năm 2014 chị Ngô Thị Bích T và anh Phạm Trường G tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau, anh chị được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất và được cấp giấy chứng nhận kết vào ngày 08/12/2016. Trong quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu anh chị sống rất hạnh phúc cho đến đầu năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu

thuần, mà chủ yếu là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh G không tin tưởng chị nên hai người thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 5 năm 2019 chị T đã bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống và cũng từ đó anh chị đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và anh G không liên lạc hay quan tâm gì đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh G.

- *Về con chung*: Chị T trình bày chị và anh G có 02 người con chung tên Phạm Thị Hồng Ph, sinh ngày 13/7/2015 và Phạm Thiên Trường S, sinh ngày 08/7/2017. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Hồng Ph và đồng ý giao cháu Phạm Thiên Trường S cho anh G được tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị T khai rằng vợ chồng chị không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* *Ý kiến của bị đơn anh Phạm Trường G trình bày như sau*:

- *Về hôn nhân*: Anh và chị Ngô Thị Bích T tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2014, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới nhưng đến năm 2016 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống với nhau anh chị sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, mà chủ yếu là về vấn đề tình cảm vợ chồng luôn bất đồng quan điểm làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau khi chị T bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống thì anh và chị T cũng bắt đầu sống ly thân với nhau. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Có 02 người con chung tên Phạm Thị Hồng Ph, sinh ngày 13/7/2015 và Phạm Thiên Trường S, sinh ngày 08/7/2017. Anh G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thiên Trường S và đồng ý để chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Hồng Ph.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh G thống nhất anh và chị T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Ngô Thị Bích T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia

đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ngô Thị Bích T và anh Phạm Trường G đều trình bày; quan hệ hôn nhân giữa anh chị được xác lập vào năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh K và được cấp giấy chứng nhận kết vào năm 2016 đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn mà chủ yếu là do tính tình không hợp nhau hay bất đồng về quan điểm dẫn đến không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay. Từ khi ly thân, anh chị không qua lại cũng như không quan tâm đến nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng. Nay tình cảm của chị T đối với anh G không còn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn thì được anh G đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử cần thiết ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích T và anh Phạm Trường G.

- *Về con chung:* Có 02 người con chung tên Phạm Thị Hồng Ph, sinh ngày 13/7/2015 và Phạm Thiên Trường S, sinh ngày 08/7/2017.

Xét yêu cầu của chị T; Từ khi chị T và anh G sống ly thân với nhau thì cháu Phạm Thị Hồng Ph do chị T nuôi dưỡng, còn cháu Phạm Thiên Trường S thì trực tiếp ở với anh G. Nhằm để các con ổn định cuộc sống và học tập nên chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phúc và đồng ý giao cháu Sơn cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng thì được anh G đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh G đều xác nhận là không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Bích T và anh Phạm Trường G.

2/ Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Phạm Thị Hồng Ph cho chị Ngô Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thiên Trường S cho anh Phạm Trường G được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian nuôi con, chị T và anh G được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cấm cản.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi một trong các bên có yêu cầu.

3/ Về tài sản và nợ chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Ngô Thị Bích T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0005676, ngày 14/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị T không phải nộp thêm tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho chị Ngô Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Phạm Trường G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp